

MERS (Hội chứng hô hấp Trung Đông)
là một bệnh hô hấp do virus

(Vietnamese Version)

MERS (ਮਿਡਲ ਈਸਟ ਰੈਸਪੀਰੇਟਰੀ ਸਿੰਡਰੋਮ)
ਇੱਕ ਵਾਇਰਲ ਸਾਹ ਦੀ ਬਿਮਾਰੀ

(Punjabi Version)

MERS (Middle East Respiratory Syndrome) a viral respiratory disease

Triệu chứng
ਲੱਛਣ
Symptoms



Sốt
ਬੁਖਾਰ
Fever



Ho
ਖੰਘ
Cough



Hụt hơi
ਸਾਹ ਦੀ ਕਮੀ
Shortness of Breath

LÀM
ਕਰੋ
DO



Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng lỏng và nước

ਤਰਲ ਸਾਬਣ ਅਤੇ ਪਾਣੀ ਨਾਲ ਵਾਰ-ਵਾਰ ਹੱਥ ਧੋਵੋ

Wash hands frequently with liquid soap and water



Tham khảo ý kiến bác sĩ trước khi đi du lịch để xem xét rủi ro trong quá trình du lịch

ਯਾਤਰਾ ਦੌਰਾਨ ਜੇਖਮ ਦੀ ਸਮੀਖਿਆ ਕਰਨ ਲਈ ਯਾਤਰਾ ਕਰਨ ਤੋਂ ਪਹਿਲਾਂ ਆਪਣੇ ਡਾਕਟਰ ਨਾਲ ਸਲਾਹ ਕਰੋ

Consult your doctor before travelling to review the risk during travel



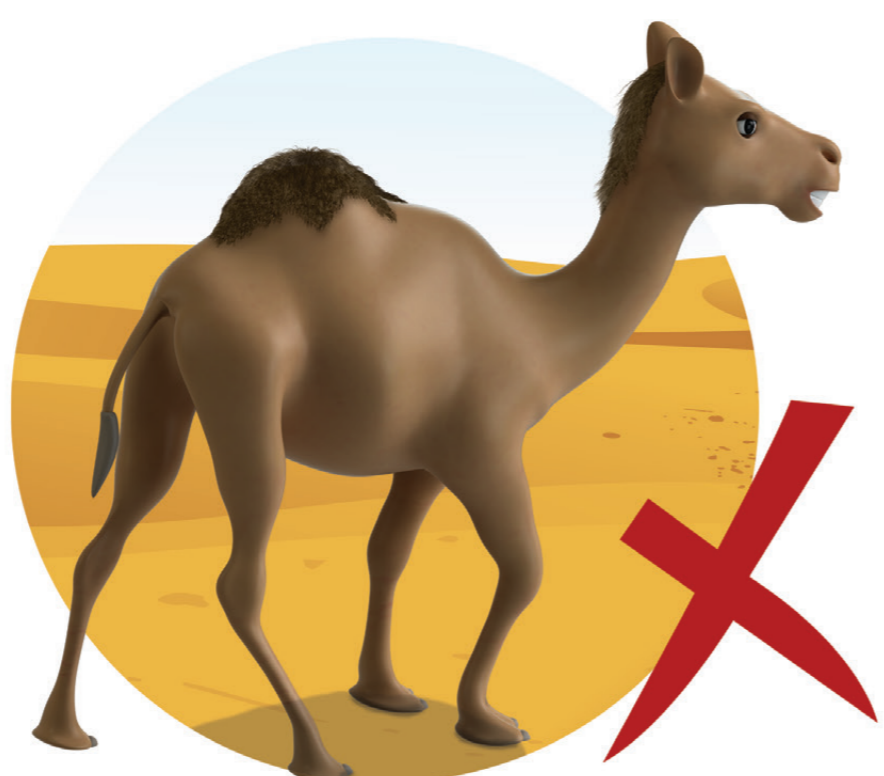
Nếu bạn cảm thấy không khỏe sau khi đi du lịch về, hãy gặp bác sĩ và báo cáo lịch sử du lịch của mình

ਜੇਕਰ ਤੁਸੀਂ ਯਾਤਰਾ ਤੋਂ ਵਾਪਸ ਆਉਣ ਤੋਂ ਬਾਅਦ ਬਿਮਾਰ ਹੋ ਜਾਂਦੇ ਹੋ, ਤਾਂ ਡਾਕਟਰ ਨੂੰ ਦੇਖੋ ਅਤੇ ਆਪਣੇ ਯਾਤਰਾ ਇਤਿਹਾਸ ਦੀ ਰਿਪੋਰਟ ਕਰੋ

If you become unwell after returning from travel, see a doctor and report your travel history

ĐỪNG
ਨਾਂ ਕਰੋ

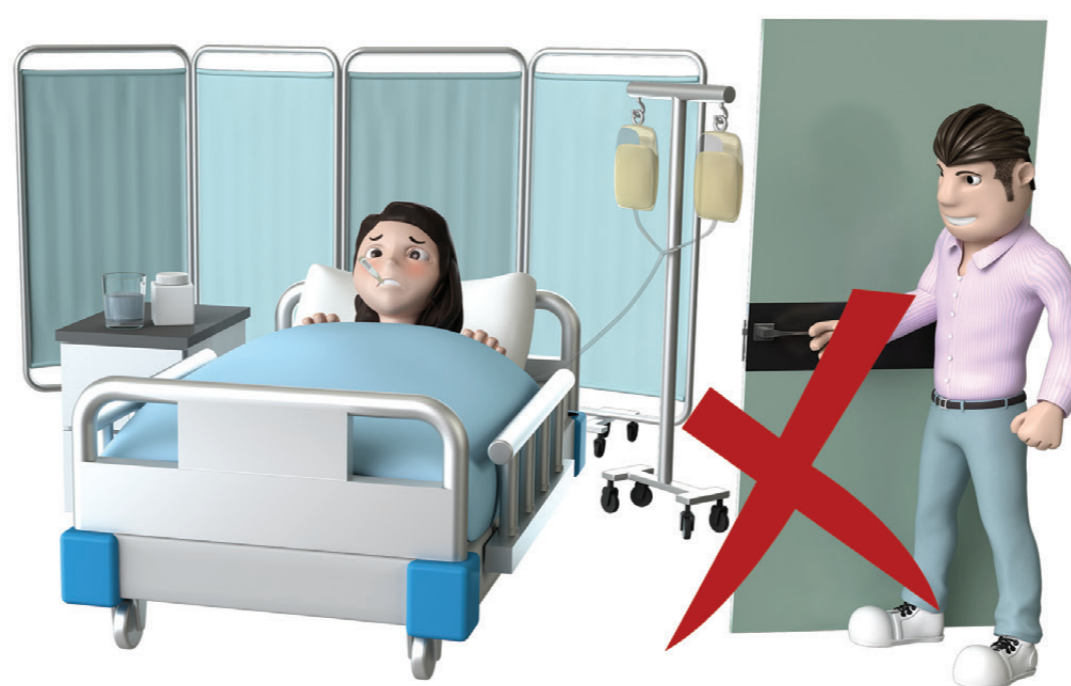
DO NOT



Tiếp xúc với động vật đặc biệt là lạc đà

ਜਾਨਵਰਾਂ ਨਾਲ ਖਾਸ ਕਰਕੇ ਉਠਾਂ ਨਾਲ ਸੰਪਰਕ ਵਿੱਚ ਆਉਣਾ

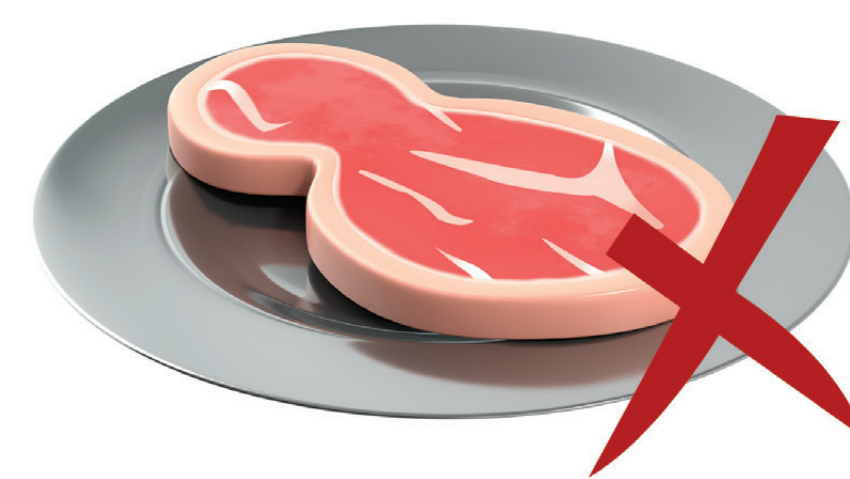
Come into contact with animals especially camels



Tiếp xúc với người bị bệnh

ਬਿਮਾਰ ਵਿਅਕਤੀਆਂ ਦੇ ਸੰਪਰਕ ਵਿੱਚ ਆਉਣਾ

Come into contact with sick persons



Tiêu thụ các sản phẩm động vật sống hoặc chưa nấu chín

ਕੱਚੇ ਜਾਂ ਥੋੜ੍ਹੇ ਪਕਾਏ ਜਾਨਵਰਾਂ ਦੇ ਉਤਪਾਦਾਂ ਦਾ ਸੇਵਨ ਕਰੋ

Consume raw or undercooked animal products

Sửa đổi vào tháng 11 năm 2023
ਨਵੰਬਰ 2023 ਵਿੱਚ ਸੋਧਿਆ ਗਿਆ

